

Bản án số: 21/2022/HS-ST
Ngày 28-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hằng Thị Đông;
2. Ông Vũ Đăng Quỳnh.

Thư ký phiên toà: Ông Hồ A Say - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu tham gia phiên toà:
Bà Hoàng Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trạm
Tấu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2022/TLST-HS
ngày 25 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
20/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2022, đối với bị cáo:

Hồ Thị D, sinh ngày 13 tháng 8 năm 1983 tại xã T, huyện T, tỉnh Yên
Bái; nơi cư trú thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp trồng trọt;
trình độ văn hóa (học vấn) không biết chữ; dân tộc Mông; giới tính nữ; tôn
giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Hồ A S và bà Sùng Thị P; có chồng
là Sùng A N và có 04 con; tiền án không; tiền sự không; bị áp dụng biện pháp
ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; "Có mặt".

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Đỗ Viết K - Trợ giúp viên pháp lý
thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái; "Có mặt".

- *Nguyên đơn dân sự:* Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Trạm Tấu,
tỉnh Yên Bái; người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Phúc U - Phó trưởng
phòng Kế hoạch kỹ thuật, quản lý bảo vệ rừng thuộc ban quản lý rừng phòng
hộ huyện Trạm Tấu; "Có mặt".

- *Những người tham gia tố tụng khác:*

+ *Người phiên dịch tiếng Mông:* Ông Mùa A L - Cán bộ Chi cục thi
hành án dân sự huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái; "Có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do thiếu đất canh tác vào khoảng tháng 4 năm 2022 Hồ Thị D tự ý đến khu vực rừng phòng hộ là rừng tự nhiên thuộc tiểu khu 554, khoảnh 16 thôn X, xã T, huyện T dùng dao quắm, phát toàn bộ cây gỗ trên diện tích 5.850 m², mỗi ngày bị cáo phát một ít, bị cáo phát trong thời gian khoảng 10 ngày thì phát xong diện tích 5.850 m².

Ngày 22-4-2022 Ủy ban nhân dân xã T thành lập tổ kiểm tra phát hiện khu rừng bị chặt phá.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 27-4-2022 do Hạt Kiểm lâm Trạm Tấu- Nghĩa Lộ sử dụng máy định vị (GPS) thể hiện:

Vị trí rừng bị chặt phá thuộc tiểu khu 554, khoảnh 16 thuộc thôn X, xã T nằm tiếp giáp với các khu vực phía Đông giáp với tiểu khu 554, khoảnh 16; phía Tây giáp với tiểu khu 554, khoảnh 16; phía Nam giáp với tiểu khu 554, khoảnh 16; phía Bắc giáp đường.

Tổng diện tích rừng bị thiệt hại 16.800 m² trong đó, diện tích không có rừng, đã trồng quế là 10.950 m²; diện tích có rừng phá mới là 5.850 m². Tại tiểu khu 554, khoảnh 16. Diện tích 10.950 m², không xác định được hiện trạng, thực trạng tại hiện trường đối tượng đốt, còn trơ lại gốc và thân một số cây gỗ bị cháy, khô đã trồng cây quế cao 20 cm đến 70 cm; diện tích đất đã quy hoạch cho rừng phòng hộ (trước thời điểm bị chặt phá không có tài liệu nào thể hiện 10.950 m² là rừng; theo lời khai của bị cáo diện tích đất này trước khi bị cáo canh tác là lau lách, cỏ gianh). Diện tích 5.850 m² bị chặt trắng mới. Hiện trạng cây gỗ là cây bồ đề, vối thuốc, chân chim, trầu, ba soi... là rừng phòng hộ, rừng tự nhiên; mật độ cây gỗ 819 cây/5.850 m², tương ứng 1.400 cây/ha; trữ lượng 31,24 m³/5.850 m², tương ứng với 53,4 m³/ha, mức độ thiệt hại 100%. Chủ quản lý là Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Trạm Tấu.

Bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐG ngày 21-6-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự huyện Trạm Tấu kết luận: Diện tích rừng bị thiệt hại là 5.850 m² trong đó:

Gỗ bồ đề nhóm 8 đường kính gốc nhỏ hơn 25cm có trữ lượng gỗ tính cho 5.850 m² rừng bị thiệt hại là: $V = 21,4$ (m³) giá 13.164.000 đồng.

Gỗ nhóm 8 khác đường kính gốc nhỏ hơn 25cm có trữ lượng gỗ tính cho 5.850 m² rừng bị thiệt hại là: $V = 21,4$ (m³) giá 10.430.000 đồng.

Gỗ nhóm 7 đường kính gốc nhỏ hơn 25cm có trữ lượng gỗ tính cho 5.850 m² rừng bị thiệt hại là: $V = 5,44$ (m³) giá 7.072.000 đồng.

Gỗ nhóm 6 đường kính gốc nhỏ hơn 25cm có trữ lượng gỗ tính cho 5.850 m² rừng bị thiệt hại là: $V = 4,4$ (m³) giá 5.720.000 đồng.

Diện tích rừng phòng hộ là rừng tự nhiên 5.850 m² đã bị thiệt hại 100%, giá trị là 42.248.700 đồng.

Tổng cộng: 78.634.700 đồng (*bảy mươi tám triệu sáu trăm ba mươi bốn nghìn bảy trăm đồng*).

Tại phiên tòa bị cáo khai khi đi chặt phá bị cáo nghĩ đó là nương cũ của bố mẹ chồng để lại, nên đã chặt phá để lấy đất canh tác.

Đại diện của nguyên đơn dân sự trình bày: Hồ Thị D đã có hành vi hủy hoại rừng ở thôn X, xã T, huyện T; tổng diện tích rừng bị hủy hoại là 5.850 m²; trước phiên tòa bị cáo bị đã viết đơn và nộp tạm ứng số tiền 2.000.000 đồng để mua cây giống về trồng, khắc phục hậu quả. Do chưa đến vụ trồng cây, nên Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Trạm Tấu tạm thu số tiền 2.000.000 đồng để mua cây giống, chờ đến mùa xuân năm 2023 khi điều kiện khí hậu thuận lợi tạo điều kiện cho cây trồng sinh trưởng và phát triển tốt sẽ chuyển cây giống để bị cáo trồng lại rừng, khắc phục hậu quả. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận thỏa thuận về việc bị cáo trồng lại rừng, khắc phục hậu quả; bị cáo nhất trí trồng lại rừng, chăm sóc theo kỹ thuật do Ban quản lý rừng yêu cầu.

Bản Cáo trạng số: 21/CT-VKS-TT ngày 24-10-2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu truy tố bị cáo Hồ Thị D về tội hủy hoại rừng theo điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hồ Thị D phạm tội "*Hủy hoại rừng*".

- Hình phạt chính: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hồ Thị D từ 02 (*hai*) năm 06 (*sáu*) tháng đến 03 (*ba*) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách không quá 05 năm.

Giao bị cáo Hồ Thị D cho UBND xã T, huyện T cùng gia đình bị cáo phối hợp trong việc giám sát, giáo dục.

- Hình phạt bổ sung. Xét thấy bị cáo sống bằng nghề trồng trọt, không có nguồn thu nhập ổn định, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo của xã, không có tài sản có giá trị lớn, việc áp dụng hình phạt tiền là không có tính khả thi, nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao phát, là công cụ của bị cáo dùng vào việc phạm tội.

+ Đối với khối lượng lâm sản trên diện tích rừng bị cáo đã hủy hoại tại tiểu khu 554, khoảnh 16 thuộc thôn X, xã T, huyện T, trong đó có 819 cây gỗ thuộc các nhóm 6, 7 và 8. Sau khi kiểm tra, tiến hành định giá xác định lâm

sản bị thiệt hại. Cơ quan điều tra đã giao những vật chứng này cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Trạm Tấu quản lý là phù hợp.

- Trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585; 586 và 589 của Bộ luật Dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Trạm Tấu với bị cáo về việc: Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Trạm Tấu không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại về lâm sản mà yêu cầu bị cáo có trách nhiệm trồng lại rừng, chăm sóc và bảo vệ rừng cho đến khi cây trồng đạt tiêu chuẩn thì tiến hành bàn giao cho chủ quản lý rừng là Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Trạm Tấu.

- Án phí: Tại phiên tòa bị cáo xin miễn án phí. Xét thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc hộ nghèo của xã, nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo theo quy định.

Bị cáo, nguyên đơn dân sự không có ý kiến tranh luận gì.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa: Nhất trí với bản luận tội của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, thuộc hộ nghèo, không biết chữ, nên hiểu biết pháp luật hạn chế; hiện nay chồng bị cáo đi chấp hành án, một mình bị cáo nuôi 4 con (con lớn bị thiếu năng, con nhỏ học mẫu giáo); công tác tuyên truyền bảo vệ rừng của cơ quan quản lý còn nhiều hạn chế; trước phiên tòa bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tập quán của đồng bào dân tộc miền núi, trong đó có gia đình bị cáo sinh sống chủ yếu dựa vào núi rừng, thu nhập chính đều từ việc trồng cây và làm nương rẫy. Nay, do hoàn cảnh gia đình khó khăn thiếu đất canh tác, trồng sản phẩm kinh tế, có thêm thu nhập trang trải cho cuộc sống gia đình. Đồng thời, cũng xuất phát từ thực tế sử dụng đất, nguồn gốc diện tích rừng mà bị cáo có hành vi phát phá là do trước đây gia đình (bố đẻ của chồng bị cáo) đã canh tác, sử dụng để trồng lúa, sau đó vì đất cần cỗi nên gia đình đã bỏ hoang không trồng cây nữa. Với nhận thức đơn giản diện tích rừng đó là mảnh nương cũ nhà mình nên bị cáo đã vô tình có hành vi vi phạm pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; các điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt tù bị 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo; ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

- Hình phạt bổ sung: Trong vụ án này gia đình bị cáo rất khó khăn, bị cáo không có việc làm ổn định, gia đình thuộc hộ nghèo, không có tài sản riêng không đảm bảo khả năng thi hành án. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế khó khăn; tại phiên tòa bị cáo đề nghị miễn án phí. Vì vậy áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH 14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo.

Bị cáo, nguyên đơn dân sự không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Khi phát phá không biết đó là diện tích rừng do Ban quản lý rừng phòng hộ quản lý, bị cáo suy nghĩ đó là nương bỏ hoang của bố chồng bị cáo; nay bị cáo đã biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử cho hưởng án treo để được tự cải tạo để bị cáo trồng, chăm sóc cây khắc phục hậu quả cho Ban quản lý rừng phòng hộ và nuôi dưỡng 4 con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trạm Tấu, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng tháng 4 năm 2022, tại tiểu khu 554, khoảnh 16 thuộc thôn X, xã T, huyện T; bị cáo Hồ Thị D đã có hành vi dùng dao phát (loại dao quắm), chặt phá rừng phòng hộ là rừng tự nhiên do Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Trạm Tấu quản lý, bảo vệ. Tổng diện tích rừng phòng hộ là rừng tự nhiên bị thiệt hại là 5.850 m², gây thiệt hại 78.634.700 đồng; mục đích bị cáo phát rừng để lấy đất trồng lúa và trồng sắn.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; nhận thức được chặt phá rừng là vi phạm pháp luật, nhưng do suy nghĩ diện tích rừng mình chặt phá là nương bỏ hoang của gia đình bố mẹ chồng, để có tư liệu sản xuất, phát triển kinh tế hộ gia đình, nên bị cáo đã vi phạm pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, xâm hại đến sự ổn định bền vững của môi trường sinh thái, môi trường sống của con người được pháp luật bảo vệ.

[3] Từ những căn cứ trên đã có đủ căn cứ để khẳng định hành vi của bị cáo thực hiện đã phạm vào tội "*Hủy hoại rừng*", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự. Lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét nhân thân: Trước khi phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nên xác định bị cáo là người có nhân thân tốt.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau phạm tội bị cáo đã tự nguyện nộp tiền cho Ban quản lý rừng phòng hộ để đến vụ trồng cây, Ban quản lý rừng phòng hộ sẽ cung cấp giống cây, để bị cáo trồng lại rừng, khắc phục hậu quả; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Bị cáo D được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; trong cuộc sống luôn chấp hành tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; do nhận thức pháp luật hạn chế, suy nghĩ đó là nương bỏ hoang của bố mẹ chồng của bị cáo, mong muốn phát triển kinh tế gia đình, nên bị cáo đã phạm tội; bị cáo có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội; cho bị cáo hưởng án treo, mới có thời gian, điều kiện khắc phục hậu quả (trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng cho đến khi bàn giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ); hơn nữa hiện nay một mình bị cáo đang nuôi dưỡng 4 con (con lớn bị bệnh thiếu năng trí tuệ, con nhỏ đang 4 tuổi). Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[7] Hình phạt bổ sung: Bị cáo sống bằng nghề trồng trọt, không có thu nhập ổn định, bị cáo không có tài sản có giá trị lớn; gia đình thuộc diện hộ nghèo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Trách nhiệm dân sự: Bị cáo và nguyên đơn dân sự thỏa thuận về trồng lại diện tích rừng bị cáo đã hủy hoại. Sự thỏa thuận giữa nguyên đơn dân sự và bị cáo là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên được ghi nhận.

[9] Vật chứng của vụ án:

- Đối với khối lượng lâm sản trên diện tích rừng bị cáo đã hủy hoại tại tiểu khu 554, khoảnh 16 thuộc thôn X, xã T, huyện T, trong đó có 819 cây gỗ thuộc các nhóm 6, 7 và 8. Sau khi kiểm tra, tiến hành định giá xác định lâm sản bị thiệt hại. Cơ quan điều tra đã giao những vật chứng này cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Trạm Tấu quản lý là phù hợp, do vậy tiếp tục giao những vật chứng trên cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Trạm Tấu quản lý, xử lý theo quy định.

- Đối với 01 con dao phát, tổng chiều dài từ cán gỗ đến đỉnh mũi dao phát bằng sắt dài 76 cm, trong đó cán gỗ dài 38 cm, đường kính cán gỗ là 03 cm, lưỡi sắt dài là 38 cm, rộng 04 cm, dao đã cũ, đã qua sử dụng. Đây là vật bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Án phí và các vấn đề khác :

- Án phí: Bị cáo Hồ Thị D là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, thuộc hộ nghèo của xã, bị cáo đề nghị được miễn án phí. Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ vào khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí cho bị cáo.

- Quyền kháng cáo: Bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Hồ Thị D phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

2. Điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hồ Thị D 02 (*hai*) năm 06 (*sáu*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (*năm*) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 28-11-2022.

Giao bị cáo Hồ Thị D cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69, khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585; 586 và 589 của Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Hồ Thị D và Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Trạm Tấu, bị cáo D có trách nhiệm trồng lại 5.850 m² rừng tại tiểu khu 554, khoảnh 16 thuộc thôn X, xã T; bị cáo chịu toàn bộ tiền cây giống, chi phí trồng, chăm sóc theo yêu cầu của Ban quản lý rừng phòng hộ cho đến khi rừng đủ tiêu chuẩn, bàn giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Trạm Tấu.

Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Trạm Tấu cung cấp cây giống, hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc. (xác nhận bị cáo đã nộp tiền tạm ứng mua cây giống, trồng khắc phục do hủy hoại rừng là 2.000.000 đồng).

4. Vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Trạm Tấu quản lý, xử lý số lượng lâm sản trên diện tích rừng Hồ Thị D đã hủy hoại, cụ thể 819 cây gỗ thuộc các nhóm 6,7 và 8.

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 con dao phát, tổng chiều dài từ cán gỗ đến đỉnh mũi dao phát bằng sắt dài 76 cm, trong đó cán gỗ dài 38 cm, đường kính cán gỗ là 03 cm, lưỡi sắt dài là 38 cm, rộng 04 cm, dao đã cũ, đã qua sử dụng.

Vật chứng này có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 28-10-2022 giữa Công an huyện Trạm Tấu và Chi cục thi hành án dân sự huyện Trạm Tấu.

5. Án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm cho bị cáo Hồ Thị D.

6. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- Công an huyện Trạm Tấu;
- Bị cáo; người bào chữa cho bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- UBND xã Tà Xi Láng;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Lưu hs, TA, THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Xuân